

BÀN VỀ NHỮNG HÀNH VI ỨNG XỬ KHÔNG THÂN THIỆN VỚI TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG

Lê Huy Bá*

Môi trường sống của con người là tổng hợp các điều kiện tự nhiên, xã hội bao quanh và có ảnh hưởng tới sự sống và phát triển của con người. Để tồn tại con người phải tác động vào tự nhiên để sản xuất ra của cải vật chất phục vụ cho đời sống. Đứng ở góc độ xã hội, thì những hoạt động sản xuất là tự giác. Song ở góc độ tổng thể, quan hệ giữa ba yếu tố “ tự nhiên – con người – xã hội” thì các hoạt động trên là hoạt động tự phát. Bởi lẽ các hoạt động từ trước tới nay của con người chưa tính toán đầy đủ những qui luật tồn tại và phát triển của yếu tố tự nhiên trong chính thể xã hội – tự nhiên. Việc chưa ý thức được đầy đủ các quy luật tồn tại và phát triển của yếu tố tự nhiên – xã hội chủ yếu là do trình độ nhận thức của con người chưa hiểu biết hết. Song thực tiễn cuộc sống là những minh chứng đầy thuyết phục, yêu cầu nhận thức hành vi con người xã hội trong việc tác động vào môi trường tự nhiên. Sự tiêu vong của nền văn minh Maya, một nền văn minh cổ ở châu Mỹ là một minh chứng. Sau hơn 15 thế kỷ hưng thịnh, nền văn minh này đã suy tàn do phương thức độc canh đốt phá rừng bừa bãi để làm ruộng dẫn đến đất canh tác bị bạc màu, chai cứng, hạn hán, lũ lụt liên miên rồi nạn đói khủng khiếp ập đến cuốn đi tất cả. Người dân ở đây phải chịu chết đói dưới chân những tượng đài kỳ vĩ, những đền thờ, này cửa đồ sộ do công bao thế hệ gây dựng lên. Đó chỉ là một trong hàng ngàn ví dụ về sự tiêu vong của các nền văn minh trước đây. Tuy nhiên những sự kiện này còn lẻ tẻ trên hành tinh này vì phương thức sản xuất còn kém phát triển. Ngày nay, trong nền văn minh công nghiệp và hậu công nghiệp, với những kỹ thuật hiện đại, con người sẽ tác động tới môi trường tự nhiên mạnh hơn, nhanh hơn thì liệu có thể xảy ra cuộc khủng hoảng sinh thái trên qui mô liên quốc gia hay toàn cầu? Thực tiễn môi trường tự nhiên đang bị ô nhiễm, nhiệt độ trái đất đang nóng lên, tầng ôzôn bị thủng... tất cả là lời cảnh báo đối với con người nếu không thức tỉnh hay không thay đổi chiến lược phát triển của mình thì nguy cơ huỷ diệt sẽ không thể tránh khỏi.

Nhằm đóng góp phần nhỏ về mặt lý luận của hành vi ứng xử để Bảo vệ Tài nguyên môi trường và Phát triển bền vững, chúng tôi xin trình bày một số quan điểm về

1-Định nghĩa và Khái niệm về Môi trường nhân văn (MTNV)

Môi trường nhân văn (Human Environment) (nhưng thực ra phải hiểu là Humanity of Environment - Tính nhân văn của môi trường) là một môn khoa học thuộc chuyên ngành Môi trường, chuyên nghiên cứu về các chỉ tiêu, phương pháp đánh giá, các mối quan hệ về quan niệm, thái độ, hành vi đối xử của con người đối với Tài nguyên, Môi trường, cũng như đối với các sinh vật cùng chung sống trong ngôi nhà chung – trái đất.

Môi trường nhân văn lấy hành vi ứng xử với Tài nguyên Môi trường làm một chỉ tiêu để đánh giá đạo đức của con người mới.

2. Giáo dục Môi trường nhân văn

Giáo dục Môi trường nhân văn (Human Environmental Education) là một lĩnh vực thuộc thượng tầng kiến trúc, nó tồn tại trong xã hội thông qua những quá trình truyền thụ - nhận thức, mà kết quả của nó được thể hiện ở trình độ dân trí Môi trường như một tiêu chuẩn nhân văn, nhân bản, nếp sống văn hóa cùng với những chính sách quản lý Môi trường.

* GS. TSKH, Trung tâm NC Môi trường Sinh thái Nhân văn

- Mục đích của giáo dục nhân văn

Có hai mục đích chính:

a. Lành mạnh hóa các mối quan hệ giữa con người với con người, giữa Quốc gia với Quốc gia và giữa những cộng đồng người trên toàn Thế giới trên cơ sở bảo vệ Tài nguyên thiên nhiên và Môi trường.

MTNV trong trường hợp này phải suy tính tới sự công bằng hóa những phúc lợi và chi phí trong việc sử dụng Tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ Môi trường. Cần xây dựng tiêu chuẩn hóa “**đạo đức Môi trường**” trong việc giải quyết các vấn đề có liên quan đến những Môi trường sống của họ. Thông qua đó, củng cố và khơi dậy những truyền thống đối xử thân thiện với Môi trường tự nhiên, với các hệ sinh thái để hỗ trợ tốt hơn cho cuộc sống.

b. Giải quyết các vấn đề về mối quan hệ giữa cộng đồng người với Thế giới tự nhiên.

Chúng ta có thể nói “Mục đích của MTNV là nhằm nâng cao trình độ nhận thức về Môi trường, biến các nhận thức đó trở thành một tiêu chuẩn để đánh giá về trình độ văn hóa, văn minh của con người và của toàn xã hội. Cuối cùng nhận thức đó có thể biến thành hành động để bảo vệ Môi trường bền vững” (Lê Huy Bá, 1999).

3- Một số cách suy nghĩ và hành vi lệch lạc, hạn chế :

Nhà kinh tế học Kenneth Boulding (2001), nhà sử học Roderick Nash (2001) và những người khác đã mô tả Thế giới công nghiệp hiện nay hoạt động mạnh mẽ và rộng lớn, nhưng hành vi môi trường và tư duy lại hạn chế, biểu hiện:

- Thứ nhất, họ quan niệm rằng, Thế giới có nguồn Tài nguyên vô tận “Rừng vàng, biển bạc” cho phép con người sử dụng, không cần phải để dành cho các thế hệ khác. Một phần của quan điểm này xuất phát từ việc cho rằng trái đất có khả năng vô hạn để tự làm sạch. Liên hệ với ta, đã có thời kỳ chúng ta giáo dục con em: “Đất nước ta giàu và đẹp, rừng vàng biển bạc, những cánh đồng cò bay thẳng cánh, đâu đâu cũng có cây trái xanh tươi...”. Việc giáo dục như vậy, bên cạnh mang đến thế hệ trẻ niềm tự hào dân tộc, nhưng lại cũng tạo ra một ảo vọng, một cách ý lại và cách ứng xử với Môi trường Tài nguyên sẽ không đúng. Người Nhật luôn dạy con cháu họ “Đất nước ta nghèo Tài nguyên, thiên tai luôn uy hiếp...”, để con cháu họ lo mà bảo vệ Môi trường, bảo vệ Tài nguyên và chăm lo sáng tạo để bù đắp cho sự thiếu thốn này.

- Thứ hai, tự nhiên là một cái gì đó bị chế ngự. Công nghệ trở thành công cụ để con người chinh phục tự nhiên, câu trả lời này mặc dù có thể đúng với thực tại của nền văn minh đương đại. Thế nhưng, nó có nhiều điều mâu thuẫn với sự Phát triển bền vững, vì Phát triển bền vững không có nghĩa là con người phải chế ngự tự nhiên mà là phải tôn trọng sự tồn tại và phát triển của tự nhiên như là một tất yếu.

- Thứ ba, suy nghĩ bảo thủ, ý lại và bóc lột thiên nhiên thể hiện trong hàng chục ngàn năm lịch sử, con người săn bắn, hái lượm và sau đó, các hoạt động nông nghiệp. Việc di dân đến lập nghiệp tại những vùng đất mới, chặt phá rừng để gieo cấy mùa màng, cho đến khi đất bị cạn kiệt đi vì mất chất dinh dưỡng hay bị xói mòn vì mưa, họ lại di chuyển đến vùng đất mới và bắt đầu lặp lại chu trình như vậy. Họ tự biện bạch một cách sai lầm: “Cần gì mà phải lo lắng vì sự xói mòn đất và sự ô nhiễm Môi trường, trong khi đất đai mênh mông và nước sạch vô tận?”

- Thứ tư, họ cho rằng, con người đứng ngoài tự nhiên và thống trị tất cả các dạng sinh vật sống khác, nhiều xã hội vẫn tiếp tục tìm kiếm sự thống trị tự nhiên. Quan điểm này ngày nay vẫn thịnh hành, nó được diễn đạt bởi nhà thơ người Anh Matthew Arnold vào thế kỷ 19 “Thiên nhiên và con người có thể không bao giờ thân thiện nhau”. Thái độ của

kẻ thống trị đó đã cho ra đời hàng loạt các công cụ nhằm chế ngự thiên nhiên. Việc cố gắng thống trị thiên nhiên sẽ dẫn đến các lỗ hổng lớn về mặt sinh thái. Kinh nghiệm cho thấy rằng, trong nhiều trường hợp, việc dung hòa cuộc sống giữa con người với Môi trường tự nhiên sẽ tốt hơn cho cả hai phía. Thí dụ: không xây dựng nhà ở trên các con sông, ngăn cản việc đốt cháy rừng tự nhiên...

Thứ năm, thái độ bàng quang với Môi trường Tài nguyên. Nhiều người vẫn thờ ơ đối với các quá trình diễn biến xã hội, trong khi đó họ hiểu rằng trái đất chỉ có hạn. Họ thấy sự giới hạn của Tài nguyên và sự ô nhiễm Môi trường như là một vấn đề đối với người khác chứ không phải của mình.

Sự hờ hững đến từ nơi nào? Nhiều người trong chúng ta do cách giáo dục hay do điều kiện sống trở nên hờ hững, có thể dùng máy hay vốn liếng sẵn có để san bằng một khu rừng được yêu thích, để xây dựng nên một nhà hàng karaoke, phá hoại sự yên tĩnh của cha mẹ và láng giềng họ. Chúng ta cảm phần thốt lên “Đó là cái giá của sự tiến bộ xã hội chăng?”

Chính quyền và các thầy giáo cũng cần có trách nhiệm đối với những thiếu sót trong việc dạy dỗ học sinh về các hành vi ứng xử Môi trường này. Một số người quan niệm và hành động lệch lạc “dân chủ” đồng nghĩa với “tự do”, và tự do là nguồn gốc của sự phá hỏng Tài nguyên Môi trường.

Người ta đã vẽ được đường cong lý thuyết dạng Hypebol tương tác giữa sự hờ hững con người với nguồn tài nguyên thiên nhiên.

Thứ sáu, hành vi ứng xử tự cho mình là trung tâm. Nền kinh tế thị trường và phúc lợi xã hội chi phối các hoạt động của họ. Họ mua loại nhà nào? Họ có thể mua xe kích cỡ bao nhiêu? Bao nhiêu là thứ xa hoa vây quanh họ... Nhà phê bình xã hội Tomk Wolfe đặt ra từ “Me- generation” để mô tả những người sống vào thập niên những năm 1980, chỉ chăm chú vào việc nuông chiều bản thân mình. Họ mua bất cứ cái gì mà mình thích và có khả năng. Hậu quả của chủ nghĩa “bản thân mình là trung tâm” sẽ đi đến một cuộc sống có triển vọng ô nhiễm Môi trường toàn cầu. Câu tục ngữ “Có tiền mua tiên cũng được” đã bị lạm dụng.

Như Jonh Locke, nhà triết học vĩ đại người Anh, đã nói, chúng ta phải làm chủ tương lai mà cha ông chúng ta đã giao lại. Nhà tâm lý học Alan Watts đặt ra thuật ngữ “Skin-encapsulated- ego”, định rõ quan điểm "cái tôi" của một số người. Cái gì bên trong lớp da là “tôi”, và cái gì bên ngoài lớp da “không phải là tôi”. Vì vậy, họ hoạt động với cái nhìn tự nhiên như “không phải là tôi”, độc lập với các tiến trình tự nhiên. Đây là cái nhìn hẹp hòi nhưng khá phổ biến này.

Thứ bảy, cách suy nghĩ vai trò cá nhân như “Muối bỏ biển”. Ngược lại với chủ nghĩa “cá nhân là trung tâm”, không ít người cho rằng, vai trò của cá nhân mình lại quá nhỏ bé như muối bỏ biển mà thôi. Họ tự hỏi: " có gì tạo nên sự khác biệt nếu như tôi chạy xe gắn máy và thải ra một ít khí thải?". Trong khi đó tôi chỉ là một người trong 80 triệu người Việt Nam. Tôi chỉ góp phần rất nhỏ không đáng kể. Thực ra, rắc rối bắt đầu từ đây, nếu mọi người trong 80 triệu người Việt và hơn 6 tỷ người trên thế giới này đều suy nghĩ như vậy, hoạt động của họ đã tạo ra ô nhiễm Môi trường khắp nước và toàn cầu, rồi chúng ta sẽ tự hủy diệt mình. Để sửa chữa, chúng ta có cách giải quyết riêng trong nhiều vấn đề. Ví dụ: nếu tôi chạy xe với tốc độ hạn chế và giữ cho bộ điều chỉnh nhiệt của tôi ở nhiệt độ vừa phải, không xả rác, không phóng uế bừa bãi, nó sẽ giảm thiểu ô nhiễm rất nhiều. Và sự đóng góp của 80 triệu người như tôi sẽ là không nhỏ trong bảo vệ Môi trường.

Thứ tám, hành vi Môi trường bị giới hạn theo từng thời đại. Như chúng ta đã thấy, các mối liên quan của phần lớn con người bị giới hạn trong tự bản thân mình, gia đình,

cộng đồng và thời gian sống. Cách suy nghĩ bị giới hạn này có thể gây tổn hại đến xã hội hiện đại khi dân số tăng nhanh, nguồn Tài nguyên cạn kiệt và ô nhiễm Môi trường. Cả 3 vấn đề này đều xoay quanh điểm uốn của đường cong hàm số mũ. Làm cạn kiệt nguồn Tài nguyên, gây ra sự ô nhiễm Môi trường con người chúng ta cần phải trả giá.

Thứ chín, hành vi Môi trường bị hạn chế trong một xã hội ít tính cộng đồng. Cách suy nghĩ hạn chế, cơ chế thị trường, lối sống “hiện đại”, cá nhân ích kỷ tạo ra một xã hội hợp đồng kém. Mặt khác, các nhà độc chất học sử dụng thuật ngữ “sự hiệp đồng” mô tả một hiện tượng mà trong đó hai chất độc riêng rẽ nếu tương tác lẫn nhau sẽ tạo ra một độ độc lớn hơn nhiều do tổng các ảnh hưởng riêng rẽ cộng lại. Xã hội loài người khởi thủy là xã hội hiệp đồng cao. Ngày nay, con người với công nghệ tiên tiến nhưng sự hợp đồng lại thấp, tạo ra sự ô nhiễm Môi trường lớn, hủy diệt hệ sinh thái Thế giới. Không khí, nước, đất bị thiệt hại khi hàm lượng ô nhiễm vượt xa khả năng chứa và khả năng tự làm sạch của trái đất. Xây dựng lại một xã hội hợp đồng cao hay xã hội bền vững dưới điều kiện mới của nền văn minh nhân loại đòi hỏi nhiều sự thay đổi cơ bản về kinh tế và quản lý, bên cạnh sự thay đổi về đạo đức, hành vi ứng xử.

Thứ 10, con người hiện nay đã quá lạm dụng kỹ thuật. Nhiều vấn đề của ngày hôm nay là kết quả của sự phát triển và áp dụng công nghệ một cách thiếu suy nghĩ, từ “chủ nghĩa lạc quan kỹ thuật” về khả năng của công nghệ để giải quyết các vấn đề. Điều này đang xảy ra khắp mọi nơi. Thí dụ như: Trong nỗ lực làm giảm sự hủy diệt lớp ozone ở tầng bình lưu, DuPont và các công ty khác tìm kiếm sự thay thế chất Chlorofluorocarbons, chất thay thế như là một giải pháp về mặt kỹ thuật, chất HCFC- 22, nó làm giảm 20 lần so với mức độ tàn phá của chất CFCs. Nhưng một cuộc kiểm tra gần đây cho thấy chất này cũng lại là loại khí gây hiệu ứng nhà kính. Điều tệ hại hơn, HCFC lại có tác hại làm nóng bầu khí quyển hơn chất carbon dioxyde. Hay nói cách khác, việc cố gắng giải quyết bằng kỹ thuật này, chúng có thể tạo ra vấn đề khác tồi tệ hơn.

Một thí dụ khác: để giải quyết ô nhiễm môi trường, cạn kiệt tài nguyên và hiệu ứng nhà kính, vài chuyên gia nhắm tới việc thay thế các nhà máy chạy bằng năng lượng dầu, khí thiên nhiên, than bằng năng lượng hạt nhân. Mới nghe thì điều này giống như một cách giải quyết hợp lý, nhưng năng lượng hạt nhân là điều bí ẩn với nhiều vấn đề. Hơn nữa, việc thay thế tất cả các nhà máy chạy bằng nhiên liệu hóa thạch này bằng nhà máy mới sử dụng năng lượng hạt nhân thì nó đòi hỏi mỗi cứ 2,5 ngày phải xây dựng một nhà máy mới trong vòng 38 năm. Thêm vào đó nếu thay thế hết tất cả các nhà máy này thì cũng chỉ giảm được khoảng 4% lượng thải carbon dioxyde mà thôi. Đó là chưa nói đến việc khi nhà máy điện nguyên tử hết tuổi thọ (50-60 năm) thì sẽ xử lý ra sao, thậm chí quá trình vận hành có rò rỉ hay nổ phóng xạ thì nguy hiểm chừng nào, điều mà nhà nước ta đang phải cân nhắc **có nên xây nhà máy điện hạt nhân hay không?**

Trong khi nhiệt tình tìm ra các giải pháp kỹ thuật cao, hợp lý và không đắt so với các giải pháp kỹ thuật thấp, **chúng ta thường quá xem nhẹ việc bảo tồn.** Chẳng hạn như, sự bảo tồn là cách có hiệu quả hơn trong việc giảm lượng carbon dioxyde toàn cầu và rẻ hơn so với việc nhắm tới giải pháp năng lượng hạt nhân. Thực tế cho thấy một dollar đầu tư vào việc bảo tồn sẽ làm giảm lượng carbon dioxyde thải ra ngoài xuống 6 lần so với một dollar đầu tư vào năng lượng hạt nhân. **Tái sử dụng, Tái chế** sẽ là giải pháp tốt hơn trong việc đốt hủy chất thải kỹ thuật cao. Thế nhưng nhiều nơi đang xây dựng các lò đốt. Thật không may, sự lạc quan tuyệt đối của chúng ta trong giải pháp công nghệ đã làm cho chúng ta không thấy được cách giải quyết trong tầm tay của chúng ta. Qua một thời gian, ngày càng có nhiều người nhận thấy được ảo tưởng của chủ nghĩa lạc quan kỹ thuật và kêu gọi hãy tìm giải pháp đơn giản hơn, có hiệu quả hơn và điều này phụ thuộc vào các hoạt động và trách nhiệm mọi người.

Mặt khác, cũng xin bày tỏ về thực chất của

Thái độ của chúng ta đã và đang đối với Môi trường Tài nguyên:

Trong sách “Khải Huyền” (White, 1875) có đoạn viết: "Đừng gây tác hại cho trái đất, ngay cả đối với biển cả và cây cối". Theo kinh thánh “Chúa sáng tạo ra Thế giới”, khi Adam và Eve ngồi trong vườn địa đàng đã được Chúa nhắc nhở rằng: “Hãy canh tác nó và giữ gìn nó”. Những điều trên đã cho thấy rằng, đạo Cơ Đốc đã sớm có ý thức bảo vệ tài nguyên môi trường.

Trong Thế giới ngày nay, các vấn đề: Cạn kiệt tài nguyên, Dân số tăng, ô nhiễm môi trường không phải là vấn đề tách biệt. Mỗi một bộ phận đều xuất phát từ một nhận thức chung về mối quan hệ của chúng ta đối với Thế giới và tương lai của chúng ta. Nhiều giải pháp cho rằng, chúng ta có thể tự giải quyết các vấn đề của chúng ta.

Robert Mellert (1997) đưa ra trách nhiệm về mặt đạo lý đối với thế hệ tương lai dựa trên 4 điểm sau:

1. Các thế hệ tương lai cũng phải có những cái như hiện nay chúng ta có. Chúng có thể khác về mặt ước muốn và sự ưu tiên, nhưng chúng sẽ biểu lộ những cái cần thiết cơ bản như chúng ta cần là lương thực, nước, không khí và không gian. Thêm vào đó, chúng sẽ có những cái cơ bản tương tự như chúng ta về khả năng tiếp nhận vật chất và trí tuệ, và chúng tác động qua lại với Môi trường của chúng. Một thế hệ được sinh ra, chúng cũng sẽ đòi hỏi phải có được cuộc sống tốt đẹp và được bảo vệ khỏi những cái đang đe dọa cuộc sống như nhiệt độ cực đoan, chất độc, nạn đói và bệnh tật. Trao cho chúng một cuộc sống nhưng lại không cung cấp cái cơ bản, điều này đồng nghĩa với việc kéo dài cuộc sống thảm khốc.

2. Không ai trong chúng ta được quyền lựa chọn khi sinh ra vào thời điểm nào. Thế thì, công bằng mà nói, chúng ta không được quyền có cuộc sống tốt đẹp hơn và nguồn Tài nguyên tốt hơn các thế hệ mai sau.

3. Sự tồn tại của chúng ta với ý nghĩa là một loài sinh vật là điều quan trọng hơn việc chúng ta tồn tại dưới dạng cá nhân. Điều này ăn sâu vào trong tự nhiên hằng ngày; dù cha mẹ họ có là con thỏ, chó sói, cá voi hay con người, họ vẫn tiêu dùng năng lượng để sinh sản và chăm sóc con cái trước khi chết.

Nhiều loài sẽ bắt chắp cuộc sống của mình để hy sinh cho con cháu, điều này là lý do cuộc sống không phải chỉ là của chúng ta mà còn là dành cho con cháu chúng ta.

4. Ngay cả sau khi chúng ta chết đi, ảnh hưởng của cuộc sống chúng ta vẫn còn dư âm. Chúng ta tồn tại trong trí óc của đời sau, ở trong các thói quen và các tập quán mà chúng ta dành cho con cháu chúng ta. Ý tưởng của chúng ta sẽ tiếp tục mở rộng, sắp xếp có lựa chọn đối với các ý tưởng khác, và ngay cả khi những trí óc và ý tưởng không có ý thức như là một phần của tự nhiên, chúng sẽ tự chảy róc rách về phía trước, ảnh hưởng tích cực đến chiều hướng các sự kiện tương lai và con người.

Tóm lại, chúng ta là sản phẩm của tổ tiên chúng ta, tổ tiên chúng ta đã chết vì chúng ta và tin tưởng chúng ta, và chúng ta lại là sản phẩm của các quyết định của chính chúng ta. Các thế hệ tương lai sẽ là kết quả của những gì chúng ta có hiện nay, và chúng sử dụng những gì chúng ta để lại cho chúng.

Nếu chúng ta chấp nhận bốn ý tưởng đơn giản này, điều đó dễ dàng cho chúng ta thấy rằng chúng ta có một sự ràng buộc, dựa trên sự thật là chúng ta là những sinh vật đặc biệt hơn, có thể sống riêng rẽ, và là các thành phần của một cái tổng thể lớn hơn, vượt qua cả không gian và thời gian.

Mặt khác, đối với các sinh vật khác, nếu chúng ta mong đợi có cuộc sống tốt đẹp thì không thể không để cho các loài đó cùng sống và cùng phát triển. Vì vậy, chúng ta buộc phải để lại một Môi trường thích hợp cho sự sống của chúng (Lê Huy Bá, 2000)

Theo các nhà tâm lý học, khi con người vượt qua tuổi thơ ấu đến tuổi trưởng thành, sẽ phát triển ý thức và hình thành nên cá tính mà họ gọi là “bản ngã”. Quần áo mới, xe hơi chạy nhanh và những ngôi nhà lộng lẫy, sống hoang phí là những cách mà con người chúng ta xây dựng nên bên trong sự vị kỷ của chúng ta, hoặc để tái khẳng định lại chúng ta là ai. Sự tái khẳng định này có thể dẫn đến việc tích lũy vật chất, điều này sẽ làm cạn kiệt nguồn Tài nguyên thiết yếu. Nó là nguyên nhân gây ra sự ô nhiễm Môi trường và làm giảm nơi cư trú của động thực vật hoang dã.

Chúng ta biết rằng, trong lịch sử tiến hóa, con người luôn luôn di cư thăm dò các nguồn Tài nguyên mới và hầu như luôn luôn tìm thấy những gì mình muốn. Nhưng, ngày nay, sự hủy diệt các loài, sự cạn kiệt nguồn Tài nguyên thiên nhiên và sự ô nhiễm Thế giới nhắc nhở chúng ta rằng: Thế giới chúng ta đang sống có giới hạn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lê Huy Bá, 1997, *Môi Trường*, NXB KH & KT. TP HCM
2. Lê Huy Bá và CTV, 2002, *Tài nguyên môi trường & Phát triển bền vững*, NXB KH & KT. TP HCM
3. Nicholas J Radcliffe and Anthony M H Clayton, 1996, *Sustainability, A Systems Approach*. Westview Press.
4. Sigmud. K, 1993, *Game of Life: Exporation in Ecology, Evolution and Behaviour*, Oxford University Press, Oxford.
5. Steinhart Paul, 1990, *Sustaiable Development*, New World Agenda, Canada. STAM-ICASE.

DISCUSSING THE UNFRIENDLY BEHAVIOUR TO ENVIRONMENT

Prof. Dr. Lê Huy Bá

In the history of evolvement, human beings have discovered new resources and mostly found what they want. Nowadays, the devastation of the animal species, the exhaustion of natural resources, and the pollution of the environment remind us that: The natural world is limited. The wrong opinions and behaviour about environment resources have to be regulated. Therefore, human environmental education plays an important role in development of our country. It helps us know the capability of the existing and potential resources. From that point, we can draw the way to use sensibly the environment resources.